

THỰC TRẠNG CƠ CẤU KINH TẾ VÀ VẤN ĐỀ TÁI CẤU TRÚC NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

TS. Nguyễn Đình Luận

Đại học Sài Gòn

Trong bối cảnh kinh tế thế giới đầy biến động và nội tại nền kinh tế nước ta bộc lộ nhiều yếu kém, tăng trưởng không bền vững thiên về chiều rộng, việc tái cấu trúc nền kinh tế và phát triển bền vững là một yêu cầu bức thiết, không thể chậm trễ. Bài viết này trình bày những nội dung tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam theo lộ trình phát triển đất nước từ nay đến năm 2020 đã được Chính phủ đề ra.

Từ khóa: cơ cấu kinh tế, tái cấu trúc nền kinh tế, Việt Nam

Tái cấu trúc nền kinh tế đối với các nước phát triển trên thế giới không phải là vấn đề gì xa lạ. Tái cấu trúc kinh tế đặt ra do sự phát triển nhanh của khoa học công nghệ, sự dịch chuyển lợi thế so sánh từ nước này sang nước khác.

Chúng ta đều biết khoa học công nghệ phát triển rất nhanh, một số nước đã nắm bắt được sự thay đổi ấy để đầu tư đổi mới công nghệ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế thì khả năng cạnh tranh của họ tốt hơn. Ngược lại, những nước vẫn dựa vào cơ cấu kinh tế cũ thì mất đi khả năng cạnh tranh, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa. Trước tình hình đó, quá trình đổi mới cơ cấu kinh tế cũ, tái cấu trúc nền kinh tế đã và đang diễn ra ở nhiều quốc gia trên thế giới. Khủng hoảng kinh tế làm cho yêu cầu tái cấu trúc càng trở nên cấp bách hơn mà thôi.

Ở Việt Nam, trong thời gian gần đây, cụm từ “tái cấu trúc nền kinh tế” được nhắc đến nhiều trên một số diễn đàn và thậm chí ngay cả trên diễn đàn Quốc hội cũng có một số nhà kinh tế học, một số đại biểu đã phát biểu hăng hái với yêu cầu Chính phủ cần phải “tái cấu trúc nền kinh tế”. Thế nhưng, khi đi vào cụ thể là “tái” như thế nào thì các câu trả lời còn chung chung và chưa đưa ra được luận cứ khoa học mang tính thuyết phục.

1. Thực trạng cơ cấu kinh tế Việt Nam

Những điểm yếu cơ bản của cơ cấu kinh tế nước ta không phải đến bây giờ mới được nhìn ra. Từ lâu, các nhà kinh tế cũng như chính bản thân các nhà hoạch định chính sách đã phác thảo cận cảnh nền kinh tế với các biểu hiện rõ nét:

Tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm có xu hướng giảm dần (bảng 1), chất lượng giảm sút; tăng trưởng kinh tế thiên về chiều rộng, dựa chủ yếu vào gia tăng số lượng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên; hiệu quả sử dụng các nguồn lực (vốn, tài nguyên thiên nhiên, đất đai...) và năng suất lao động còn thấp... Nếu các điểm yếu này chậm được khắc phục thì tốc độ và hiệu quả nền kinh tế ngày càng suy giảm.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong 112 ngành kinh tế quốc dân, chỉ có 26 ngành có đóng góp từ 1% GDP trở lên. Đây chủ yếu là những sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, khai khoáng; các sản phẩm công nghiệp sơ chế và sản xuất hàng tiêu dùng sử dụng nhiều lao động phổ thông. Có 21 sản phẩm đóng góp từ 0,5% đến dưới 1% GDP, cũng chủ yếu là sản phẩm sơ chế, nguyên liệu và một số dịch vụ (Tổng sản phẩm trong nước theo giá thực tế qua một số năm phân theo khu vực và ngành kinh tế- bảng 2, 3).

Hiện nay, vốn đầu tư đang đóng góp khoảng 60% vào tăng trưởng GDP hàng năm; lao động và nhân

Bảng 1. Tốc độ tăng trưởng qua các năm (%)

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011 (Dự kiến)
Tỷ lệ (%)	6,89	7,08	7,34	7,79	8,44	8,23	8,46	6,31	5,32	6,78	5,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Bảng 2: Tổng sản phẩm trong nước theo giá thực tế phân theo khu vực kinh tế

Năm	Tổng số	Chia theo khu vực kinh tế (tỷ đồng)		
		Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
2001	481.295	111.858	183.515	185.922
2002	535.762	123.383	206.197	206.182
2003	613.443	138.285	242.126	233.032
2004	715.307	155.992	287.616	271.699
2005	839.211	175.984	344.224	319.003
2006	974.266	198.798	404.697	370.771
2007	1.143.715	232.586	474.423	436.706
2008	1.485.038	329.886	591.608	563.544
2009	1.658.389	346.786	667.3232	644.28
2010	1.980.914	407.647	814.065	759.202

Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Bảng 3: Tổng sản phẩm trong nước theo giá thực tế phân theo thành phần kinh tế (Tỷ đồng)

Thành phần kinh tế	Năm				
	2005	2007	2008	2009	2010
Kinh tế nhà nước	322.241	410.883	527.732	582.674	668.300
Kinh tế ngoài nhà nước	382.804	527.423	683.654	771.688	941.814
Trong đó: - Kinh tế tập thể	57.193	71.059	84.025	90.410	103.540
- Kinh tế tư nhân	74.812	116.505	155.905	182.684	228.600
- Kinh tế cá thể	250.999	339.868	443.724	498.594	609.674
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	134.166	205.400	273.652	304.027	370.800
Tổng số	839.211	1.143.715	1.485.038	1.658.389	1.980.914

Nguồn: Tổng cục Thống kê.

tổ lao động tổng hợp đóng góp phần còn lại, khoảng 40%. Do công nghệ chậm đổi mới, các sản phẩm công nghệ cao chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong tổng kim ngạch xuất khẩu (khoảng 6%) và trong 10 năm qua sự thay đổi không nhiều. Cơ cấu ngành nghề còn manh mún, nhỏ lẻ và phân tán, dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên và lao động phổ thông giá rẻ là chính. Trình độ sản xuất thấp nên sản phẩm xuất khẩu của nước ta chủ yếu ở dạng gia công, lắp ráp. Giá trị gia tăng thấp do dựa chủ yếu vào nguyên liệu nhập khẩu và các sản phẩm trung gian từ bên ngoài (Trị giá xuất khẩu hàng hóa phân theo khu vực kinh tế và phân theo nhóm hàng - bảng 4).

Hiện nay, nước ta chưa có sản phẩm chủ lực mới, rất ít sản phẩm có thương hiệu quốc gia. Đa số các sản phẩm có đóng góp lớn trong GDP cũng như kim ngạch xuất khẩu đều từ lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và khai khoáng, ít sản phẩm công nghiệp mang

tính đặc thù thương hiệu Việt Nam.

Ngoài tình trạng phụ thuộc vào các sản phẩm sử dụng nhiều lao động giá rẻ và khai thác tài nguyên thô, điểm yếu của nền kinh tế nước ta còn nằm ở cơ cấu bất hợp lý về phân bố nguồn lực, cụ thể: Các DN nhà nước chưa phát huy được vai trò dẫn dắt, chủ đạo trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Kinh tế tư nhân trong nước còn nhỏ, chưa trở thành động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gia tăng nhanh chóng và ngày càng mở rộng quy mô có thể làm nền kinh tế nước ta phụ thuộc ngày càng nhiều vào bên ngoài.

Một khía cạnh khác cũng được các nhà kinh tế cảnh báo là không gian kinh tế đang bị chia cắt, cát cứ theo đơn vị hành chính, nhất là các tỉnh, thành phố. Vì vậy, kinh tế vùng chưa hình thành bằng sự

Bảng 4: Trị giá xuất khẩu hàng hóa phân theo khu vực kinh tế và phân theo nhóm hàng*(Triệu đô la Mỹ)*

Chỉ tiêu	2005		2007		2008		2009		2010	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Tổng số	32447,1	100	48561,4	100	62685,1	100	57096,3	100	72191,9	100
1/Phân theo khu vực kinh tế										
- KV kinh tế trong nước	13983,4	42,8	20786,8	42,8	28162,3	44,9	26724,0	46,8	33105,4	45,9
- Khu vực có vốn đầu tư TT với NN	18553,7	57,2	27774,6	57,2	34522,8	55,1	30372,3	53,2	39086,5	54,1
2/ Phân theo nhóm hàng										
- Hàng công nghiệp nặng và K/sản	11710,4	36,1	16646,7	34,4	23209,4	37,0	17621,8	30,9	20100,0	27,8
- Hàng công nghiệp nhẹ và tiêu TC.	13288,0	41,0	20693,6	42,6	24896,4	39,8	25580,3	44,8	32526,0	45,1
+ Hàng nông sản	4467,4	13,7	7032,8	14,5	9239,6	14,7	8352,8	14,6	11799,6	16,3
+ Hàng lâm sản	252,5	0,8	408,4	0,8	468,7	0,7	463,4	0,8		
+ Hàng thủy sản	2732,5	8,4	3763,4	7,7	4510,1	7,2	4255,3	7,5	5016,3	7,0
+ Vàng phi tiền tệ	5,3	0,0	16,3	0,0	360,9	0,6	822,6	1,4	2750,0	3,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê.

kết nối hữu cơ, hợp tác và bổ sung cho nhau để phát huy lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh. Mặt khác, các địa phương thường theo đuổi cơ cấu kinh tế tương tự nhau, cạnh tranh theo kiểu “cùng đi về đáy”, làm phá vỡ không gian và quy hoạch phát triển chung.

Khu vực kinh tế nhà nước có mức đầu tư khá cao (tiêu tốn trên 40% GDP) nhưng tốc độ tăng trưởng GDP bình quân chỉ khoảng 10%, thấp hơn so với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (19,9%) và khu vực kinh tế tư nhân (43,8%). Hiện nay, cả nước còn trên 1.500 DN nhà nước thuộc diện cổ phần hóa trong năm 2009-2010 nhưng phần lớn triển khai rất chậm, không đạt lộ trình đề ra. Phần lớn các DN nhà nước làm ăn thua lỗ, chỉ có khoảng 300 DN nhà nước hoạt động tương đối hiệu quả, “gánh” 80%

đóng góp của khu vực kinh tế này vào ngân sách nhà nước.

Nhìn chung, nền kinh tế Việt Nam trong thời gian qua phát triển chưa bền vững, chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp, việc sử dụng nguồn lực còn hạn chế, đầu tư dàn trải, môi trường ở nhiều nơi bị ô nhiễm nặng, tài nguyên (khoáng sản và rừng), đất đai (đất nông nghiệp) khai thác quá mức không hợp lý và sử dụng kém hiệu quả...

Những nội dung trình bày trên cho thấy, việc tái cấu trúc nền kinh tế đang đứng trước những cơ hội cũng như thách thức. Các nhà kinh tế cho rằng, nếu thực hiện thành công, Việt Nam sẽ tiếp tục rút ngắn khoảng cách, tiến tới đuổi kịp và vượt các quốc gia khác trong khu vực về trình độ phát triển. Ngược lại,

nếu quá trình đổi mới chậm lại, không theo kịp với những thay đổi từ bên ngoài và yêu cầu phát triển nội tại của đất nước, năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh không được cải thiện, sẽ làm giảm niềm tin của thị trường và dân chúng vào việc tiếp tục duy trì, ổn định kinh tế vĩ mô. Mặt khác, tái cấu trúc nền kinh tế mới có thể làm cho nền kinh tế dễ phát triển bền vững.

2. Tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam một yêu cầu bức thiết

Từ thực trạng nền kinh tế Việt Nam, việc tái cấu trúc nền kinh tế và phát triển bền vững là một tất yếu không phải bàn cãi nhiều, để đạt được mục tiêu đến năm 2020 nước ta đạt được cơ cấu kinh tế tương đương trình độ phát triển trung bình với mức thu nhập bình quân đầu người từ 3.000– 3.200USD. Nền kinh tế mở cửa, có kết cấu hạ tầng và thể chế thị trường hiện đại, có năng lực cạnh tranh tốt, tăng trưởng chủ yếu dựa vào cải thiện năng suất và hiệu quả. Như vậy, tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam phải bao gồm các nội dung sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong tổng sản phẩm quốc dân. Mặt khác, phải hết sức coi trọng vai trò của nông nghiệp trong việc ổn định xã hội, bảo đảm an ninh lương thực và cải thiện đời sống nhân dân. Phải chuyển đổi từ mô hình tăng trưởng theo chiều rộng dựa vào tăng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và nguồn lao động chất lượng thấp sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu trên cơ sở áp dụng những thành tựu mới về khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao và kỹ thuật quản lý hiện đại.

Thứ hai, tái cấu trúc các ngành sản xuất và dịch vụ, trọng tâm là phát triển công nghiệp hỗ trợ và các ngành dịch vụ chất lượng cao, có giá trị gia tăng lớn, nhằm tạo ra những sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao ở thị trường trong và ngoài nước. Đồng thời, phải xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng

hóa với công nghệ cao khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế và tăng giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích.

Thứ ba, tái cấu trúc các DN, tiếp tục đổi mới DN nhà nước, đòi hỏi các tập đoàn và tổng công ty phải đi đầu trong việc đổi mới công nghệ và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Mạnh mẽ và quyết liệt cổ phần hóa các tập đoàn, tổng công ty nhà nước trở thành các công ty cổ phần đại chúng, được quản lý và hoạt động theo các quy tắc và thông lệ thị trường, thể hiện vai trò chi phối trong các ngành kinh tế then chốt nhờ nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh, có vai trò dẫn dắt và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

Thứ tư, coi trọng hơn thị trường trong nước. Phát triển mạnh hệ thống phân phối của các DN trên thị trường nội địa để có thể làm chủ thị trường này, tạo cơ sở vươn xa, thâm nhập sâu vào thị trường các nước trong khu vực và trên thế giới, nhằm ổn định và phát triển sản xuất tạo thêm việc làm và tăng giá trị gia tăng cho hàng hóa.

Thứ năm, tái cấu trúc đầu tư. Thực chất của tái cấu trúc đầu tư là tái cấu trúc việc phân bổ các nguồn lực toàn xã hội cho đầu tư phát triển đất nước. Các nguồn lực dành cho đầu tư phát triển trong từng thời kỳ luôn là một đại lượng nhất định và có giới hạn, thường là thấp hơn nhiều so với nhu cầu. Vì vậy, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực này là yêu cầu thường xuyên của mọi cấp quản lý ở mọi giai đoạn phát triển. Thực tế cho thấy, việc phân bổ nguồn lực cho đầu tư phát triển đôi lúc chưa hợp lý, hậu quả tạo ra cơ cấu kinh tế không phù hợp, kém hiệu quả, lãng phí, khả năng cạnh tranh quốc gia chưa nâng lên được. Vì vậy, chỉ có trên cơ sở tái cấu trúc đầu tư mới tạo ra được cơ cấu kinh tế hợp lý nhất có thể đạt năng suất, hiệu quả kinh tế lớn nhất và năng lực cạnh tranh quốc gia cao nhất như mong muốn. □

Tài liệu tham khảo:

1. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, *Tái cấu trúc nền kinh tế, phát triển bền vững*, Tiền phong Online, 1-2011
2. Trần Xuân Giá, *Tái cấu trúc nền kinh tế phải bắt đầu từ tái cơ cấu đầu tư*, Báo đầu tư, 7-2011.
3. Trương Đình Tuyển, *Vấn đề tái cấu trúc kinh tế Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, Đại học Tài chính Marketing, 8-2011.
4. Tổng cục Thống kê “*Niên giám thống kê*”, NXB Thống kê, H, 2011.